

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

8

MỤC LỤC

<u>Trang</u>	<u>NỘI DUNG</u>
1 - 2	BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3 - 4	BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ
5 - 17	BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
18 - 27	BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHỖ

BẢO CAO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors trình bày Bảo cáo này cùng với Báo cáo tài lệ An toàn Tài chính đã chỉnh tại ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương, trước đó lần lượt là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hapaco. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép lần đầu số 16/UBCK-GPHBQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 86/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi tên Người đại diện theo pháp luật và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200725638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi các lần, thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2023 là: 35.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: LEADVISORS CAPITAL MANAGEMENT COMPANY.

Tên viết tắt: LEADVISORS CAPITAL MANAGEMENT.

Trụ sở chính của Quý: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors đã điều hành Quý trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Thành

Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Ông Trịnh Quốc Bình

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Bình

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tài lệ an toàn tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIỆN

Báo cáo tài lệ An toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập, duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 phù hợp với Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025 và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán và Thông tư số 60/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *H*



[Handwritten signature]

Trần Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỚI BẢO CAO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi:

Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors, được lập ngày 03 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 27 đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính và biên pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025, bao gồm Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Ban Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 theo Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biên pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu gồm danh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện danh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo trung thực, hợp lý nhằm tiết kiệm các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm danh giá tính thích hợp của các chính sách được áp dụng và tính hợp lý của các điều kiện giải của Ban Tổng Giám đốc khi áp dụng các văn bản pháp quy, cũng như danh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biên pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

Mức dịch, Cơ sở lập Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính và Giới hạn sử dụng Báo cáo kiểm toán

Không phù nhân ý kiến nêu trên, như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 - Cơ sở lập Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính, bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính. Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính quy mức dịch tuân thủ các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biên pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025. Do đó Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính đã được kiểm toán của Chúng tôi có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



Vấn đề khác

Bảo cáo ty lệ An toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 19/02/2025 đưa ra y kiến chấp nhận toàn phần.



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Thị Tiên

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hàng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tính hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.

Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Nguyệt Minh

Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ

(Signature)
Hoàng Thị Cẩm Anh

Tổng Giám đốc

(Signature)
Trình Quốc Bình

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026

STT	NỘI DUNG		
	(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu		
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	35.000.000,000	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	297.571.576	-
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	595.143.152	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.409.154.654	-
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản (i)	13.482.956.885	-
10	Chênh lệch danh giá lại tài sản cố định	-	-
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-
13	Tồn bộ phận giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tài chính (ii)	10.872.848.142	-
14	Vốn khác (nếu có)	-	-
1A	Tổng	43.911.978.125	-
B	Tài sản ngắn hạn	-	-
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác	-	-
	Phải thu của khách hàng	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-
1	Phải thu ngắn hạn	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	-
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	53.800.477	-
3	Phải thu ngắn hạn	-	-
	Phải thu còn hạn nhưng đòi tác khả năng thanh toán	-	-

I. VỐN KHẢ DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
 Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
 Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính

Bảo cáo tỷ lệ An toàn tài chính

Vốn khả dụng
 VND
 VND
 VND

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

Vốn khả dụng (2)

Vốn khả dụng (1)

Vốn khả dụng (3)

I. VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	NỘI DUNG			TỔNG
	Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND	
	(1)	(2)	(3)	
	Phải thu nội bộ ngân hàng			
4				
5				
6		354.383.562		
7				
IV				
V				
1				
2				
3				
4				
4.1				
4.2				
1B	Tổng			408.184.039

LIÊN NAM

LIÊN NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,
 Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính
 Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
 Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính

I. VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

(i) Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản:

31/12/2025	VND
10.872.848.142	Dự phòng giảm giá đầu tư ngân hàng
831.573.429	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
1.778.535.314	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn
13.482.956.885	Tổng

(ii) Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chương khoản tài chỉ tiêu đầu tư tài chính:

Giá gốc	Giá thị trường	Phân tăng	Phân tăng
VND	VND	thêm (giảm đi)	
8.895.784.900	4.149.830.000	(4.745.954.900)	+ Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (Mã: OCH)
8.125.169.500	2.781.600.000	(5.343.569.500)	+ Công ty Cổ phần Dầu tư PVR Hà Nội (Mã: PVR)
1.295.620.312	813.745.200	(481.875.112)	+ Công ty Cổ phần Everpia (Mã: EVE)
301.448.630	-	(301.448.630)	+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre (Mã: FBT)
18.618.023.342	7.745.175.200	(10.872.848.142)	Tổng

Trong đó:
 Các khoản giảm trừ
 Các khoản tăng thêm

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO
A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hàng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		1.941.843.235	-
1	Tiền mặt (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	0	941.843.235	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	1.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II	Trái phiếu Chính phủ			
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế (IBRD, ADB, IADB, AFD, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III	Trái phiếu tổ chức tín dụng			
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
IV	Trái phiếu doanh nghiệp			
	Trái phiếu doanh nghiệp			
	Trái phiếu doanh nghiệp có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu doanh nghiệp có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu doanh nghiệp có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu doanh nghiệp có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)
A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Các hàng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5		
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10		
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20		
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25		
8	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15		
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20		
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30		
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35		
	Liệt kê kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành (chỉ tiết tưng trái phiếu/tổ chức phát hành): - Nếu rõ tổ chức xếp hạng tín nhiệm, thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và mức xếp hạng đối với trái phiếu/tổ chức phát hành.			
	Cổ phiếu		813.745.200	81.374.520
	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30		
	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết và đã đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20		
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán	10	813.745.200	81.374.520
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết và đã đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30		
VI	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
12	Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10		
13	Quỹ thành viên	50		
14	Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30		

5.0

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)
A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Các hàng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VII	Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch		7.232.878.630	3.362.559.404
15	Chứng khoán bị cảnh báo	35	4.149.830.000	1.452.440.500
16	Chứng khoán bị kiểm soát	40	-	-
17	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60	2.781.600.000	1.668.960.000
18	Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70	-	-
19	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	301.448.630	241.158.904
VIII	Chứng khoán phát sinh			
20	Hợp đồng tương lai chi số cổ phiếu	8	-	-
21	Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ	3	-	-
IX	Chứng khoán khác		4.754.184.800	3.803.347.840
22	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chi số được liệt kê tại Phụ lục VIII	25	-	-
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chi số được liệt kê tại Phụ lục VIII	100	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
25	Giao dịch chênh lệch giá	2	-	-
26	Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80	4.754.184.800	3.803.347.840
X	Rủi ro tăng thêm		5.255.788.340	525.578.834
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	CTCP Kinh mặt Hà Nội	10	3.803.347.840	380.334.784
2	Công ty Cổ phần One Capital Hospitality	10	1.452.440.500	145.244.050
A.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)		19.998.440.205	7.772.860.598

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Hệ số rủi ro	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác.	-	-	-	-	1.903.436.319	38.800.046	1.942.236.365
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán								1.942.236.365
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số	Quy mô rủi ro (VND)			Giá trị rủi ro (VND)		
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-			-		
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-			-		
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-			-		
4	Tên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	831.573.429			831.573.429		
Tổng rủi ro quá thời hạn thanh toán								831.573.429

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)
B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP THEO)

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)							
Hệ số rủi ro	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%							
III. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, các hợp đồng, giao dịch khác	Hệ số												
Loại hình giao dịch	Quy mô rủi ro (VND)						Giá trị rủi ro (VND)						
Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 10; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC):													
1	- Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất (chỉ tiết từng đối tượng) - Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm d, g khoản 1 Điều 10 (chỉ tiết từng đối tượng) - Các hợp đồng, giao dịch khác (chỉ tiết từng đối tượng): - Khoản tạm ứng (chỉ tiết từng đối tượng): + Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán + Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán + Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán.						150%						-
Tổng rủi ro thanh toán khác							-						

IV. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Giá trị rủi ro (VND)
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30%	1.713.223.098
2	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0%	180.000.000
Tổng rủi ro tăng thêm			513.966.929
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)			3.287.776.723

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP THEO)

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác.



TT	Chi tiêu	Giá trị (VND)
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng liền kề	5.434.604.620
II	Các khoản giảm trừ khởi tổng chi phí	(1.094.620.336)
1.	Chi phí khấu hao	6.492.498
2.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(971.196.400)
3.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(129.916.434)
4.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
5.	Chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-
6.	Chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của công ty	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	6.529.224.956
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	1.632.306.239
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (Công ty quản lý quỹ).	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		16.060.637.321

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,
 phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
 Ban hành theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC
 Bảo cáo tỷ lệ An toàn tài chính
 Ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính

BẮC S. G.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng VND
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	đồng	7.772.860.598
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	đồng	3.287.776.723
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	đồng	5.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	đồng	16.060.637.321
5	Vốn khả dụng	đồng	43.474.474.086
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6-5/4)	%	271%

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
 Ban hành theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC
 Ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026
 Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ
 Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng
 Nguyễn Nguyệt Minh

Hoàng Thị Cẩm Anh

Trình Quốc Bình



19/ E1 JAC Cell

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương, trước đó lần lượt là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hapaco. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép lần đầu số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 86/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200725638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2023 là: 35.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng*).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại 31/12/2025 là 16 người (Tại 31/12/2024 là 13 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. KỶ KẾ TOÀN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính tại ngày 31/12/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 kèm theo trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

- Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.
- Theo quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, cụ thể như sau:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Hàng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn (đối với Công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch danh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch ty giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư phòng suy giảm giá trị tài sản;

$$\text{Ty lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 như sau:
 Ty lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

4. CÁC CHỈNH SỬA AP DÙNG

Cơ sở lập số liệu tài chính
 Báo cáo ty lệ an toàn tài chính được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025. Bảo cáo ty lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 cần được đọc đồng thời cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Tuyên bố về tuân thủ
 Báo cáo ty lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025. Do đó Báo cáo ty lệ an toàn tài chính và việc sử dụng báo cáo này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 tại Việt Nam. Vì vậy, Báo cáo ty lệ An toàn tài chính không thích hợp để sử dụng cho mục đích khác.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TY LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TY LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng,
 phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
 Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
 Báo cáo ty lệ An toàn tài chính
 Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính

M. A. O. N. Y. / 01

- Năm mười phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
 - Các khoản giảm trừ;
 - Các khoản tăng thêm; và
 - Vốn khác (nếu có).
- Các khoản trừ**
- Vốn khả dụng của Công ty được giảm trừ bởi giá trị của các khoản mục sau:
- Có phiếu quy (nếu có);
 - Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
 - Giá trị kỳ quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài sản đảm bảo (được xác định bằng khối lượng tài sản * (1 - Hệ số rủi ro thị trường));
 - Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên chín mươi (90) ngày (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá trị giảm đi của các tài sản dài hạn;
 - Các khoản ngoài trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kiểm toán (nếu có);
 - Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp: Là Công ty mẹ, Công ty con của Công ty hoặc Là Công ty con của Công ty mẹ của Công ty;
 - Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
 - Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán;
- Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:
- Đối với tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản bảo đảm, giá trị số sách.
 - Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị số sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;

Tỷ lệ vốn khả dụng (Tiếp theo)

4. CÁC CHỈ SỐ SẠCH ẢP DÙNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
 Bảo cáo tỷ lệ An toàn tài chính
 Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
 Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính



Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tới đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khả trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khả trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025;
 - Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có kỳ hạn đầu tới thiểu là năm (5) năm, không được đảm bảo bằng tài sản của Công ty, chỉ được mua lại trước thời hạn theo đề nghị của người sở hữu hoặc mua lại trên thị trường thứ cấp sau khi đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, được ngừng trả lãi và chuyển trả lãi và chuyển tiếp theo nếu trả lãi dần đến kết quả kinh doanh trong năm của Công ty bị lỗ và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và;
 - Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày kết án toàn ty là an toàn tài chính;
- Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

Các khoản tăng thêm

- Dự phòng phải thu khó đòi.
 - Các khoản dự phòng suy giảm, giá trị tài sản;
 - Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản theo quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025;
 - Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025, trừ chứng khoán được phát hành bởi Công ty con, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty mẹ của Công ty hoặc các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết án toàn;
- Phần giảm trừ khởi vốn khả dụng của các chi tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chi tiêu sau:

Các khoản giảm trừ (Tiếp theo)

4. CÁC CHỈNH SÁCH ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
 Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
 Bao cáo tỷ lệ An toàn tài chính
 Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
 Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính

Hệ số rủi ro thì tương đương được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

Hệ số rủi ro thì tương đương

Giá trị của các quy/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty. NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước hợp quy được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất. Giá trị quy đóng dài chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quy đóng dài chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quy được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất.

Quy/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị mua/gia trị vốn góp, giá theo quy định nội bộ của Công ty. Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đa dạng kỹ, lưu kỹ nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tới ít nhất ba (03) Công ty chứng khoán liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp có nhiều hơn một báo giá từ ít nhất ba (03) Công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá, Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị số sạch; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp có nhiều bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị số sạch; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Trường hợp có nhiều niêm yết hoặc có nhiều đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị số sạch; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Cổ phiếu

Giá tài sản (Tiếp theo)

4. CÁC CHỈNH SÁCH ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội; Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC Bảo cáo tỷ lệ An toàn tài chính

JA.CC.V.01

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro qua thời hạn thanh toán trên được áp dụng cho các khoản sau:

- + Hợp đồng bảo lãnh phát hành kỳ với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán;
- + Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác qua hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đang hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành;
- + Hợp đồng vay, mua chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật, hợp đồng cho vay mua kỳ quy định của pháp luật, hợp đồng cho vay mua kỳ quy định của pháp luật, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật.

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn theo thời gian}$$

Giá trị rủi ro qua thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc:

- Giá trị rủi ro qua thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc:
 - + Các khoản phải thu khách hàng hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu trái phiếu đã đảo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đảo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.
 - + Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật;
 - + Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật;
 - + Hợp đồng vay, mua chứng khoán phải thu với quy định của pháp luật;

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành;

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn trên được áp dụng cho các hợp đồng sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời hạn} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn}$$

đồng, được xác định theo nguyên tắc:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhân chứng khoán, tiền và thanh lý hợp xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tồn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản dùng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được

Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thì tương ứng.

Các khoản có tức, trả tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thì tương ứng.

- Tăng thêm 30% trong tương ứng tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.
- Tăng thêm 20% trong tương ứng tổng giá trị khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty,
- Tăng thêm 10% trong tương ứng tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;

được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thì tương ứng của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong tương ứng Công ty đầu tư qua nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro

Giá trị rủi ro thì tương ứng thêm

4. CÁC CHỈNH SÁCH ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Thời hạn thanh toán/nhàn chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phát sinh (đối với chứng khoán phát sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

TT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4	Từ 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

Hệ số thanh toán theo thời gian:

TT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán;	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;	6%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

Hệ số thanh toán theo đối tác:

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025.

Hệ số rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Ngã Tư Đò, thành phố Hà Nội
Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính
Bảo cáo tỷ lệ An toàn tài chính

11 007 10

- Tang thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng mua có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu.

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm trong các trường hợp sau:

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

$$Giá\ trị\ tài\ sản\ đảm\ bảo = Khối\ lượng\ tài\ sản\ x\ Giá\ tài\ sản\ x\ (1 - Hệ\ số\ rủi\ ro\ thị\ trường)$$

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và dùng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.
- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, chứng khoán tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, con, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và dùng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

$$Giá\ trị\ rủi\ ro\ thanh\ toán = Giá\ trị\ toàn\ bộ\ tài\ sản\ đảm\ bảo\ x\ 100\%$$

Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 được xác định như sau:
 Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 được xác định như sau:

Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 được xác định như sau:

<p>Giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng được xác định theo Thuyết minh Giám trừ giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng hợp tác tại sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không tham khảo theo thị trường, thì được xác định nội bộ của Công ty.</p>	<p>Giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng được xác định theo Thuyết minh Giám trừ giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng hợp tác tại sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không tham khảo theo thị trường, thì được xác định nội bộ của Công ty.</p>
<p>Các khoản phải thu, trái phiếu đã đảo hạn, các công cụ nợ đã đảo hạn Giá trị tài sản đảm bảo nhân rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).</p>	<p>Các khoản phải thu, trái phiếu đã đảo hạn, các công cụ nợ đã đảo hạn Giá trị tài sản đảm bảo nhân rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).</p>
<p>Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.</p>	<p>Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.</p>
<p>Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi</p>	<p>Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi</p>
<p>Giá trị giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo</p>	<p>Giá trị giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo</p>
<p>Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:</p>	<p>Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:</p>
<p>Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm</p>	<p>Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm</p>
<p>Tang thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng mua có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu.</p>	<p>Tang thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng mua có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu.</p>

Giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng được xác định theo Thuyết minh Giám trừ giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng hợp tác tại sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không tham khảo theo thị trường, thì được xác định nội bộ của Công ty.

Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bán thân Công ty.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

4. CÁC CHỈNH SÁCH ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNHH (TIẾP THEO)

Nguyễn Nguyệt Minh

Hoàng Thị Cẩm Anh

Trình Quốc Bình

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Kế toán trưởng

Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi chi phí khấu hao, chi phí hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tại chính ngân hàng, dài hạn và tài sản thế chấp, chi phí hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác, phần chênh lệch giám về danh giá lại các tài sản tại chính ghi nhận thông qua tài khoản ("FVTP"), chi phí lãi vay và phần chênh lệch tăng danh giá lại phải trả chưa trả chứng quyền đang lưu hành đã ghi nhận vào chi phí trong năm.

- 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liên kế tính tới thời điểm tính toán;
- 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn hơn của hai giá trị sau:

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động

Toàn bộ khoản thiết hại tính theo giá trị Hợp đồng phải được giám trừ khỏi vốn khả dụng. Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán

- Việc bù trừ rớt song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ rớt song phương khi:

- **Bù trừ rớt song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu.
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm (Tiếp theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNHH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
Tầng 25, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
Ban hành theo Thông tư số 102/2025/TT-BTC
Ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính

Bảo cao tỷ lệ An toàn tài chính